

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH**

Đồng Nai, 2016.

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình
Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG LONG BÌNH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3601033213 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư Đồng Nai cấp lần đầu ngày 23/07/2008, cập nhật thay đổi lần 3 ngày 23/12/2011
- Vốn điều lệ: 187 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ./.
- Địa chỉ: G243 Bùi Văn Hòa, KP7, Phường Long Bình, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
- Số điện thoại: 0616 255 999
- Số fax/Fax: 0616 501 826
- Website: www.icdlongbinh.com
- Mã cổ phiếu (nếu có): ./.

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

7/8/2008: Thành lập Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình thực hiện dự án đầu tư cảng ICD Tân Cảng Long Bình thuộc khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, hoạt động trong lĩnh vực kho, bãi, dịch vụ cảng ICD, các dịch vụ giá trị gia tăng khác trong lĩnh vực giao nhận nhằm cung ứng một chuỗi logistics cho khách hàng có nhu cầu xuất nhập hàng hóa thông qua cảng ICD Tân Cảng Long Bình. Vốn điều là 150 tỷ

27/7/2009: thành lập địa điểm làm thủ tục hải quan cảng nội địa tại Đồng Nai với diện tích 77,958ha theo Quyết định số 1794/QĐ - BTC của Bộ Tài Chính

15/09/2009: thành lập và đi vào hoạt động kho ngoại quan số 1 diện tích 9.000m² theo quyết định số 1815/QĐ - TCHQ của Tổng cục hải quan

10/03/2010: Khai trương điểm kiểm hóa tập trung tại ICD Tân Cảng Long Bình theo Quyết định số 206/QĐ - TCHQ của Tổng cục Hải quan

Tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 187 tỷ đồng

27/4/2015: mở rộng địa điểm làm thủ tục hải quan tại cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa tại Đồng Nai với diện tích 25ha theo Quyết định số 1278/QĐ – TCHQ của Tổng cục hải quan.

Tổng cộng diện tích ICD sau khi mở rộng: 105ha

Tính đến hết năm 2015: đưa vào khai thác hoạt động 8 kho 18.000m², 3 kho 15.300m², 1 kho 31.500m², 1 showroom, 1 kho diện tích 1.600m² (chưa bao gồm các kho của các công ty liên doanh, liên kết), khai thác toàn bộ khu đất 80ha hiện hữu

- Các sự kiện khác:./.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:./.

- Ngành nghề kinh doanh: (Nếu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.

+ Dịch vụ kho bãi, lưu giữ hàng hóa

+ Dịch vụ logistics

+ Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, container

+ Dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng

- Địa bàn kinh doanh: Long Bình, Đồng Nai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

- Mô hình quản trị:

ICD Long Bình bao gồm 5 thành viên Hội đồng quản trị, trong đó có 1 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thủ ký công ty (gồm 2 nhân sự) để bảo đảm hoạt động của Hội đồng quản trị theo đúng quy định pháp luật, là kênh thông tin trao đổi giữa cổ đông và Hội đồng quản trị

- Cơ cấu bộ máy quản lý gồm.

Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình được điều hành bởi Ban Giám đốc gồm có Giám đốc và 3 phó Giám đốc.

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của ICD và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và điều lệ của Công ty.

Bao gồm:

Phạm Văn Long – Giám đốc

Trần Triệu Phú – Phó giám đốc

Trần Hoàng Lân – Phó giám đốc

Nguyễn Đức Vượng – Phó giám đốc

Hiện tại Công ty được chia thành 7 Phòng chức năng:

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tài chính kế toán

Phòng Kế hoạch kinh doanh

Khu kho hàng

Phòng điều độ

Phòng cơ giới xếp dỡ

- Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Công ty cổ phần Tiếp Vận Thành Long

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh dịch vụ kho bãi và các dịch vụ giá trị gia tăng kết nối với dịch vụ kho, bãi

Vốn điều lệ: **40.000.000.000 đồng**

Tỷ lệ góp vốn của ICD: 51%/vốn điều lệ

Công ty liên kết: Công ty cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng Long Bình

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ

Vốn điều lệ: **20.000.000.000 đồng**

Tỷ lệ góp vốn của ICD: 7,2 tỷ đồng tương ứng 36%/vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Vì Khách hàng: với phương trâm kinh doanh “ Niềm tin là tất cả. Chất lượng hàng đầu, lợi nhuận đi đôi”, ICD Tân Cảng Long Bình luôn cung cấp dịch vụ hoàn hảo và gia tăng giá trị gia tăng cho khách hàng (VAS), luôn đồng hành cùng khách hàng, hợp tác cùng phát triển, nâng cao chuỗi cung ứng nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng ngày càng đa dạng và phong phú.
- Vì Nhân viên: môi trường làm việc thân thiện, công bằng và đời sống ngày càng nâng cao.
- Vì Cổ đông: tối đa hóa lợi nhuận cổ đông và nâng cao giá trị doanh nghiệp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trở thành Trung tâm logistics kiểu mẫu, hiện đại và lớn nhất Việt Nam trong đó đầy đủ các dịch vụ kho hàng, bãi container, depot rỗng và các dịch vụ giá trị gia tăng cùng với sự cung ứng các chuỗi dịch vụ hoàn thiện, có tính kết nối với hệ thống các khu công nghiệp, hệ thống cảng, đường hàng không (sân bay quốc tế Long Thành) theo quy hoạch phát triển các trung tâm logistics theo Quyết định số 1012/2015/QĐ - Ttg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/07/2015 Về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030
 - Dịch vụ khách hàng: cung cấp dịch vụ đa dạng và phù hợp với nhu cầu ngày càng nâng cao của khách hàng; phát triển thế mạnh của công ty và từng bước chuyên sâu vào dịch vụ chuỗi cung ứng logistics trên cơ sở kết nối hệ thống kho – bãi – depot – hệ thống cảng, tiến đến cung cấp chuỗi dịch vụ trọn gói 3PL
 - Chất lượng dịch vụ: an toàn, trung thực, minh bạch, liên tục cải tiến công nghệ và hạ tầng phục vụ KH như các phần mềm CNTT: WMS (quản lý kho), CMS (quản lý bãi và khai thác container) và TOPO (hệ thống container cảng).
 - Chất lượng nhân viên: liên tục đào tạo nâng cao về nghiệp vụ và tinh thần cùng với sự phát triển của công ty
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
- Ý thức được rằng hoạt động kinh doanh để mang lại lợi ích kinh tế phải đi đôi với ý thức cao trong trách nhiệm cộng đồng, ICD luôn tham gia hoạt động xã hội và các phong trào do Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và Bộ Quốc Phòng tổ chức.
 - Thực hiện quy gòp ngày lương doanh nghiệp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa, các chương trình dân vận của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, Quân chủng hải quân và Bộ Quốc Phòng

- Tham gia ủng hộ cho các tổ chức đoàn thể tại địa phương “Chung một tấm lòng”, “Trái tim nhân đạo”, các hoạt động tình nguyện mang tính cộng đồng và địa phương, góp phần xây dựng địa bàn tại đơn vị trong thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách chăm lo đời sống cho công nhân, lao động trên địa bàn, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác dân vận trên địa bàn xã Phước Tân và phường Long Bình
- Tất cả các hoạt động cộng đồng đều trích từ nguồn quỹ phúc lợi của công ty với mục tiêu cùng với địa bàn đóng quân chung tay, chung sức đồng lòng vì một xã hội tiến bộ và tốt đẹp.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro về kinh tế vĩ mô: sự tăng trưởng/suy giảm của nền kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng đều tác động
- Rủi ro chính sách: chính sách điều hành của Chính phủ, các Bộ/ngành liên quan như Bộ Công Thương, Bộ giao thông vận tải, Tổng cục Hải quan... về hoạt động xuất nhập khẩu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty.
- Rủi ro về pháp lý: sự thay đổi các quy định liên quan đến thủ tục hải quan ảnh hưởng đến các dịch vụ của ICD cung cấp cho khách hàng, đặc biệt là quy chế hoạt động của cảng cạn theo Quyết định số 47/2014/QĐ - Ttg của Thủ tướng chính phủ ngày 27/08/2014 về quy chế quản lý hoạt động của cảng cạn, sự thay đổi pháp luật về thuế, đất đai đặc biệt là quy chế sử dụng đất quốc phòng làm kinh tế, quy định pháp luật liên quan đến hoạt động xây dựng, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất quốc phòng làm kinh tế....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	KẾT QUẢ	So sánh KQ 2015 với TH 2014		So sánh KQ 2015 với KH 2015	
		2015	2014	2015	Tuyệt đối	Tương đối	Tuyệt đối	Tương đối
Tổng doanh thu	Triệu đ	253,650	255,421	254,107	(1,314)	99.5%	457	100.2%
Tổng chi phí	Triệu đ	199,700	192,869	199,215	6,346	103.3%	(485)	99.8%

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	KẾT QUẢ	So sánh KQ 2015 với TH 2014		So sánh KQ 2015 với KH 2015	
		2015	2014	2015	Tuyệt đối	Tương đối	Tuyệt đối	Tương đối
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đ	53,950	62,552	54,893	(7,660)	87.8%	943	101.7%
Tổng LN sau thuế	Triệu đ	42,080	49,168	43,082	(6,086)	87.6%	1,002	102.4%
Tỷ suất sinh lời sau thuế trên vốn cổ phần (ROE)	%	22.51%	26.29%	23.04%	(0.03)	87.6%	0	102.4%
Cỗ tức	%	15%	14%	15%				

(*) Các số liệu trên đối với thực hiện năm 2014 bao gồm cả phần liên doanh, liên kết với Sonadezi Long Bình; đối với KH và TH 2015 đã tách phần liên doanh, liên kết với Sonadezi Long Bình theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Năm 2015, LB gặp phải một số khó khăn nhất định khi việc kinh doanh của các khách hàng lớn tại ICD gặp nhiều khó khăn như: Pacorini, Apectrans và GH, làm giảm sản lượng thông qua kho ảnh hưởng đáng kể đến sản lượng GTGT tại kho.

Bên cạnh đó, việc khai thác kho ngoại quan cũng giảm hơn so với kế hoạch ban đầu làm giảm dịch vụ kèm theo như dịch vụ thủ tục thông quan hàng hóa (chỉ đạt 87,4% so với kế hoạch).

Doanh thu không đạt so với kế hoạch, thứ nhất là doanh thu cho thuê bãi (chỉ đạt có 22%), nguyên nhân là do một số khách hàng không vào bãi so với kế hoạch như hàng Viettel ($10.000 m^2$), hàng Bill Logistic, hàng Apectrans,...

Doanh thu không đạt so với kế hoạch, thứ hai là doanh thu Logistic khai thác ngoài: Việc vận chuyển hàng IMO cho Brenntag không thực hiện được so với kế hoạch do thủ tục phức tạp từ Cát lái về Long Bình.

Tuy nhiên, ICD đã tìm thêm một số khách hàng mới như: Nestle, Peppsi nguyên liệu...

Về Chi phí & lợi nhuận: Việc quản lý chi phí và rủi ro trong năm 2015 khá tốt nên lợi nhuận đạt được 101,42% so với kế hoạch

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành.

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần
1	Phạm Văn Long	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	75.666
2	Trần Triệu Phú	Phó giám đốc	113.000
3	Trần Hoàng Lân	Phó giám đốc	1.555
4	Nguyễn Đức Vượng	Phó giám đốc	0
5	Nguyễn Đức Khiêm	Kế toán trưởng	5.000

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm): bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Vượng, Trưởng phòng điều độ giữ chức Phó giám đốc công ty, từ tháng 2/2015

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: không có sự thay đổi

Tính đến tháng 12/2015: 208 cán bộ, nhân viên

Chính sách đối với người lao động tại Công ty được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, thực hiện theo chính sách lương thưởng của hệ thống Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (Công ty mẹ)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 2015	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng kho số 14 (Pacorini)	45,920.03	29,834.84	Đã đưa vào sử dụng	Theo kế hoạch đầu tư 2014 chuyển sang 1 phần
2	Mua 2 Cầu RTG 6+1	54,396.90	27,198.45	Đã đưa vào sử dụng	ICD chuyển nhượng 01 cầu cho công ty thành viên trong Hệ thống TCT Tân Cảng Sài Gòn
3	Bãi làm hàng (K8)	3,000.00	3,726.92	Đã đưa vào sử dụng	Phát dinh tăng do diện tích thực tế tăng so với kế hoạch

STT	Tên hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện 2015	Tiến độ/Thời gian hoàn thành	Ghi chú
4	Xây dựng khokhu 25ha (ko bao gồm CPCSH)	96,500.67	36,775.23	Tháng 6/2016	Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP Sonadezi Long Bình
5	Hệ thống camera	140.00		Không thực hiện	Không thực hiện do kho 15 do hợp tác giữa ICD và OCB không thực hiện theo kế hoạch
Tổng		199,957.60	97,535.44	-	

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty TV Thành Long:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	SS (%)
I. Tài sản ngắn hạn	6,154,736,425	10,404,275,394	169.05%
II. Tài sản dài hạn	107,734,539,009	102,763,491,778	95.39%
III. Nợ phải trả	68,223,774,669	62,803,891,141	92.06%
1. Nợ ngắn hạn	8,223,774,669	8,203,891,141	99.76%
Trong đó nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	60,000,000,000	54,600,000,000	91.00%
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	45,665,500,765	50,363,876,031	110.29%
1. Vốn chủ sở hữu	45,665,500,765	50,363,876,031	110.29%
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40,000,000,000	40,000,000,000	100.00%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu	28,028,948,055	30,826,933,050	109.98%
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27,682,985,802	30,790,415,602	111.23%
- Doanh thu hoạt động tài chính	7,604,756	36,511,247	480.11%
- Thu nhập khác	338,357,497	6,201	0.00%

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	SS (%)
2. Tổng chi phí	20,730,900,303	19,917,431,006	96.08%
Trong đó chi phí lãi vay	7,533,207,735	5,289,767,022	70.22%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	7,298,047,752	10,909,502,044	149.49%
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	4,975,827,194	8,497,955,266	170.78%
VI. Các chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách	5,316,668,453	5,188,558,724	97.59%
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	15.98%	21.66%	135.54%
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	149.40%	124.70%	83.47%
Chỉ tiêu tài chính tổng hợp	Năm 2014	Năm 2015	SS (%)
TỔNG TÀI SẢN	113,889,275,434	113,167,767,172	99.37%
TSNH	6,154,736,425	10,404,275,394	169.05%
TSDH	107,734,539,009	102,763,491,778	95.39%
Nợ phải trả	68,223,774,669	62,803,891,141	92.06%
Nguồn vốn chủ sở hữu	45,665,500,765	50,363,876,031	110.29%
Vốn điều lệ	40,000,000,000	40,000,000,000	100.00%
Doanh thu thuần	28,028,948,055	30,826,933,050	109.98%
LNST	4,975,827,194	8,497,955,266	170.78%
* Tỷ số thanh khoản			
Tỷ số thanh khoản hiện thời	1.67	1.80	107.94%
Tỷ số thanh khoản nhanh	0.75	1.27	169.45%
* Tỷ số đòn bẩy			
Tỷ số Nợ/VCSH	1.49	1.25	83.47%
Tỷ số Nợ/VDL	1.71	1.57	92.06%
Tỷ số thanh toán lãi vay	1.66	2.61	156.97%
* Tỷ số khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận/DT	26.04%	35.39%	135.92%

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	SS (%)
Tỷ suất lợi nhuận/TTS	6.41%	9.64%	150.44%
Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	15.98%	21.66%	135.54%

Công ty liên kết: Công ty TV Tân Cảng Long Bình

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	SS (%)
I. Tài sản ngắn hạn	11,146,993,173	9,577,949,014	85.92%
II. Tài sản dài hạn	37,469,104,189	36,653,162,217	97.82%
III. Nợ phải trả	32,846,350,439	30,402,485,632	92.56%
1. Nợ ngắn hạn	8,666,444,748	10,843,888,917	125.12%
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	24,179,905,691	19,558,596,715	80.89%
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	15,769,746,923	15,828,625,599	100.37%
1. Vốn của chủ sở hữu	15,769,746,923	15,828,625,599	100.37%
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	15,000,000,000	15,000,000,000	100.00%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu	16,136,835,368	29,233,356,131	181.16%
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16,106,754,609	29,140,525,221	180.92%
- Doanh thu hoạt động tài chính	3,452,017	7,762,366	224.86%
- Thu nhập khác	26,628,742	85,068,544	319.46%
2. Tổng chi phí	14,692,103,555	29,073,483,629	197.89%
Trong đó chi phí lãi vay	1,227,946,270	2,703,550,473	220.17%
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	1,444,731,813	159,872,502	11.07%
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	778,897,538	124,700,552	16.01%
VI. Các chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách			



Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	SS (%)
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	9.16%	1.01%	11.02%
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	208.29%	192.07%	92.22%
Chỉ tiêu	NĂM 2014	NĂM 2015	SS (%)
TỔNG TÀI SẢN	48,616,097,362	46,231,111,231	95.09%
TSNH	11,146,993,173	9,577,949,014	85.92%
TSDH	37,469,104,189	36,653,162,217	97.82%
Nợ phải trả	32,846,350,439	30,402,485,632	92.56%
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,769,746,923	15,828,625,599	100.37%
<i>Vốn điều lệ</i>	<i>15,000,000,000</i>	<i>15,000,000,000</i>	100.00%
Doanh thu thuần	16,136,835,368	29,233,356,131	181.16%
LNST	778,897,538	124,700,552	16.01%
* <i>Tỷ số thanh khoản</i>			
Tỷ số thanh khoản hiện thời	1.48	1.52	102.74%
Tỷ số thanh khoản nhanh	1.29	0.88	68.67%
* <i>Tỷ số đòn bẩy</i>	NĂM 2014	NĂM 2015	SS (%)
Tỷ số Nợ/VCSH	2.08	1.92	92.22%
Tỷ số Nợ/VDL	2.19	2.03	92.56%
Tỷ số thanh toán lãi vay	1.63	1.05	64.01%
* <i>Tỷ số khả năng sinh lời</i>	NĂM 2014	NĂM 2015	SS (%)
Tỷ suất lợi nhuận/DT	8.95%	0.55%	6.11%
Tỷ suất lợi nhuận/TTS	2.97%	0.35%	11.64%
Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	9.16%	1.01%	11.02%

4. Tình hình tài chính
a) Tình hình tài chính

Phần công ty mẹ:

CHỈ TIÊU	2014 (*)	2015	TỶ LỆ
Tổng tài sản	786,549,016,158	887,781,656,698	112.87%
Tài sản ngắn hạn	139,860,037,900	139,199,778,086	99.53%
Tài sản dài hạn	457,873.34	646,688.98	141.24%
Nguồn vốn	786,549,016,158	887,781,656,698	112.87%
Nợ phải trả	540,015,463,558	632,472,410,497	117.12%
Nguồn VSH	246,533,552,600	255,309,246,201	103.56%
Vốn điều lệ	187,000.00	187,000.00	100.00%
Doanh thu thuần	247,271,853,037	254,107,423,931	102.76%
Lợi nhuận sau thuế	46,873,993,920	43,082,115,331	91.91%
Tỷ lệ chia cổ tức	14%	15%	

(*) Không bao gồm doanh thu – lợi nhuận của khoản hợp doanh với Sonadezi Long Bình cho kỳ báo cáo 2014 và 2015

Chỉ tiêu tài chính hợp nhất:

CHỈ TIÊU	2014	2015	TỶ LỆ
Tổng tài sản	838,407,963,824	939,978,875,060	112.11%
Tài sản ngắn hạn	145,903,527,180	149,571,625,498	102.51%
Tài sản dài hạn	692,504,436,644	790,407,249,562	114.14%
Nguồn vốn	838,407,963,824	939,978,875,060	112.11%
Nợ phải trả	566,455,664,879	654,507,615,049	115.54%
Nguồn VSH	271,952,298,945	285,471,260,011	104.97%
Vốn điều lệ	187.000,00	187.000,00	100,00%
Doanh thu thuần	270,983,264,834	281,949,024,067	104.05%
Lợi nhuận sau thuế	50,473,066,694	49,992,962,796	99.05%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ số	ĐVT	2014	2015	So sánh
Tỷ số thanh khoản hiện thời	Lần	1,46	1,40	-4,11%
Tỷ số thanh khoản nhanh	Lần	0,95	0,78	-17,89%
Tỷ số Nợ/VCSH	Lần	2,19	2,48	13,24%
Tỷ số Nợ/VDL	Lần	2,89	3,38	16,96%
Tỷ số thanh toán lãi vay	Lần	3,55	3,11	-12,39%
Tỷ suất lợi nhuận/DT	%	24,11%	21,60%	-2,51%
Tỷ suất lợi nhuận/TTS	%	7,58%	6,18%	-1,40%
Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	24,18%	21,50%	-2,68%
Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,32	1,37	3,79%
Hệ số tổng mức đầu tư/VDL	%	4,21	4,75	12,83%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 18.700.000 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.700.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
1	Tổng số lượng cổ phần phổ thông:	18.700.000	100%	979
2	Cổ đông sáng lập:	12.250.000	65,51%	3
3	Cổ đông lớn:	12.250.000	65,51%	3
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết:	3.625.000	19,39%	
5	Phân loại			
5.1	Trong nước	18.700.000	100%	1.009

STT	Danh mục	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số cổ đông (người)
	Cá nhân	3.870.000	20.70%	970
	Tổ chức	14.830.000	79.30%	9
5.2	Nước ngoài	0	0	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không phát sinh.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 400.000l/năm phục vụ cho các xe nâng kho, xe nâng con và máy phát điện

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không phát sinh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (điện): 2.120.280 kwh/năm

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không phát sinh

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng: không phát sinh

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Công ty CP cấp nước Biên Hòa

Lượng nước: 5.400m³/tháng (105m³/ngày)

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không phát sinh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không vi phạm

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015
Ban quản lý (Ban giám đốc, KTT)			
Quỹ lương	Triệu đồng	2.654,47	2.751,84
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	46,57	45,86
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	46,96	48,27
Người lao động			
Quỹ lương	Triệu đồng	25.545,06	27.966,87
Tiền lương BQ	Triệu đồng/người	12,23	12,33
Thu nhập BQ	Triệu đồng/người	13,38	13,64

Cơ sở pháp lý:

- Thông tư số 18/2013/TT – BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.
- Thông tư số 19/2013/TT – BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Chủ tịch HĐTV, Hội đồng thành viên, Ban (Tổng) Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên trong công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Tuân thủ các quy định pháp luật lao động, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, cụ thể:

- Chế độ lương, thưởng căn cứ vào thực hiện sản xuất kinh doanh và hiệu quả, năng lực làm việc của người lao động
- Chính sách trang bị bảo hộ lao động, đồng phục, áo mưa cho người lao động
- Chính sách khám và bảo đảm sức khỏe người lao động thông qua Trung tâm y tế Cảng (nay là Bệnh viện đa khoa Tân Cảng)
- Chính sách về tham quan du lịch, các chế độ phúc lợi cho người lao động như trợ cấp ôm đau, thai sản, chế độ hiếu, hỉ
- Chính sách huấn luyện an toàn lao động và PCCN hàng năm, thực hiện định kỳ
- Hội thao tay nghề giỏi hàng năm

- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người lao động nhân các ngày lễ và kỷ niệm thành lập công ty

- Các hoạt động tình nguyện thanh niên

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Với chỉ đạo thực thi chủ trương không ngừng huấn luyện đào tạo và học hỏi của TCT cũng như Ban Lãnh đạo, các kế hoạch đào tạo tăng cường như: lớp học Tiếng Anh tại chỗ, lớp chăm sóc khách hàng, khóa khai thuế Hải Quan, các lớp kỹ năng quản lý.... Đồng thời, việc chọn lọc và tuyển dụng nhân sự có nghiệp vụ chuyên môn, quản lý đạt chất lượng cao, so với những năm trước đây, năng lực và trình độ nhân sự của công ty đã có nhiều tiến bộ, khả năng nắm vững quy trình điều hành, quản lý đã nâng lên tầm mới, việc kiểm soát chi phí kịp thời, cùng sự phối hợp điều phối kinh doanh - sản xuất nhịp nhàng đã đóng góp không nhỏ vào thành công của kế hoạch tiết giảm chi phí, là một trong các yếu tố mang lại hiệu quả kinh doanh cao, chi tiết:

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG	LUỢT NGƯỜI	SỐ TIẾT	ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
A1	Kỹ năng Quản trị dành cho cán bộ				
1	Giám đốc điều hành	BGD, Trưởng phòng	2	90	TCT
2	Minset lãnh đạo	Trưởng/phó phòng KHKD, P.TCHC	2	30	Đào tạo ngoài
A2	Kỹ năng ngoại ngữ, vi tính				
1	Tiếng Anh giao tiếp thương mại	P.KHKD, P.Điều độ, Khu kho hàng	30		Đào tạo ngoài
2	Tiếng Anh giao tiếp cơ bản	CBNV ICD các phòng	30	45	ICD tự đào tạo
3	Tiếng Anh chuyên ngành logistics	P.KHKD, Khu kho hàng	1	45	TCT
4	Thi TOIEC	CBNV ICD các phòng	20		TCT
5	Bảo mật hệ thống an ninh mạng và xử lý sự cố CNTT	Ban CNTT	2	15	TCT
6	Quản trị hệ thống server (theo chuyên đề)	Ban CNTT	1	5	TCT
A3	Kỹ năng dịch vụ và chăm sóc khách hàng				

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG	LUỢT NGƯỜI	SỐ TIẾT	ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
1	Kỹ năng dịch vụ và chăm sóc khách hàng (gồm 2 khóa)	P.KHGD, Khu kho hàng, Phòng điều độ	8	30	TCT
2	Quản trị quan hệ khách hàng trong ngành dịch vụ	P.KH - KD	1	45	TCT
3	Kỹ năng sử dụng hotline và xử lý thông tin hotline trong dịch vụ (chuyên đề)	P.KHGD, Phòng điều độ	2	5	TCT
4	Kỹ năng giải quyết xung đột trong dịch vụ logistics	P.KHGD, Khu kho hàng, Phòng điều độ	3	15	TCT
A4	Logistics và nghiệp vụ kho hàng				
1	Tổng quan logistics	Phòng điều độ, phòng KHKD	2	90	TCT
2	Giám đốc/TP chuỗi cung ứng - logistics	Ban quản lý Khu kho hàng	1	45	TCT
3	Nghiệp vụ kho hàng cơ bản và quy trình sản xuất ICDLB	Khu kho hàng, Phòng điều độ	50	30	ICDLB tự đào tạo
4	Nghiệp vụ quản lý kho hàng 3 PL và trung tâm phân phối	Khu Kho hàng	2	30	TCT
5	Quản trị kho hàng IMO (bao gồm cả cấp chứng chỉ)	Khu kho hàng, P.TCHC	4	30	TCT
6	Nghiệp vụ depot	Phòng điều độ	2	30	TCT
7	Đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu logistics tại nước ngoài	Khu kho hàng	1	90	TCT
8	Tham quan học tập Trung tâm logistics trong và ngoài nước	P.KHGD, Khu kho hàng	2	30	TCT
A5	Huấn luyện Khối Kỹ thuật				
1	Nguyên lý hoạt động của phương tiện cơ giới (xe nâng kho, xe đầu kéo, cầu khung)	Phòng cơ giới xếp dỡ	30	5	TCT
2	Quản lý ngành kỹ thuật	Ban kỹ thuật	2	15	TCT
A6	Công tác ATLĐ, ATGT, Môi trường, Pháp chế, PCCC				
1	Lớp An toàn lao động	100% quân số	209	5	TCT

STT	NỘI DUNG	ĐỐI TƯỢNG	LUỢT NGƯỜI	SỐ TIẾT	ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO
2	Lớp an toàn PCCN	100% quân số	209	5	TCT
3	Nghiệp vụ pháp chế	Phòng TCHC, Phòng KHKD	2	5	TCT
4	Công tác quản lý rác thải nguy hại	Phòng TCHC	2	30	TCT
5	Cán bộ chuyên trách PCCC (trung cấp PCCC theo quy định pháp luật)	Đội PCCC chuyên trách	1		Đào tạo ngoài
6	Tập huấn định kỳ các quy định trong lĩnh vực giao thông, quản lý các phương tiện xếp dỡ có yêu cầu nghiêm ngặt	Phòng điều độ, Phòng cơ giới	70	15	TCT
7	Tập huấn định kỳ các quy định quản lý hàng hóa chất và quản lý hàng thực phẩm (bao gồm chứng chỉ)	Khu kho hàng	30	15	Sở công thương
A7	Đào tạo Hội nhập				
	Đào tạo hội nhập nhân viên mới	Nhân viên mới tuyển dụng	20	15	ICD tự đào tạo
A8	Huấn luyện đào tạo theo nhu cầu các đơn vị				
1	Facebook Sales & Marketing (chuyên đề)	Phòng KHKD	2	15	Đào tạo ngoài
2	Phân tích tài chính doanh nghiệp	P.TCKT	1	30	Đào tạo ngoài
3	Kiểm soát rủi ro trong hoạt động kinh doanh (chuyên đề)	Phòng KHKD	2	5	Đào tạo ngoài
4	Nghệ thuật đàm phán và thương lượng	Phòng KHKD, Phòng TCHC	2	15	Đào tạo ngoài
5	Giám đốc kinh doanh (CCO)	Phòng KHKD	1	45	Đào tạo ngoài
6	Xây dựng văn hóa doanh nghiệp	Phòng TCHC	2	15	Đào tạo ngoài
7	Đào tạo giảng viên nội bộ	Trưởng/Phó phòng và giảng viên nội bộ	5	30	TCT
	Tổng cộng		756	965	

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: công tác dân vận tại địa phương: phường Long Bình, xã Phước Tân và UBND TP. Biên Hòa

Tổng số tiền hỗ trợ: 100.000.000 đồng, nguồn từ quỹ phúc lợi

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC:/.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù, nền kinh tế Việt Nam năm 2015 phát triển khá hơn so với năm 2014 với mức tăng trưởng 6,3% so với cùng kỳ, song vẫn bị ảnh hưởng không nhỏ bởi cuộc khủng hoảng tiền tệ của Trung Quốc và các nước châu Âu.

Tình hình sản xuất nông lâm sản trong nước có gia tăng, tuy nhiên sự gia tăng ấy diễn ra một cách manh mún, thiếu đồng đều giữa các khu vực trên toàn quốc, cụ thể sản lượng xuất nhập khẩu tăng trưởng không ổn định, đặc biệt điều này có thể nhận thấy ở các nhóm ngành hàng nông lâm sản, gỗ nội thất, nhôm kim loại.

Theo số liệu thống kê của Tổng Cục Hải quan, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trong cả nước tính đến tháng 10/2015 tăng khoảng 11% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu hàng hóa tăng 8,3 % và nhập khẩu tăng 13,7% so với cùng kỳ năm trước.

Ngành cà phê vào thời điểm cuối năm (từ tháng 10/2015) đã có chiều hướng khá hơn, lượng xuất khẩu tăng nhẹ là 89 nghìn tấn, tăng 2,6% về lượng và 2,5% về giá trị so với tháng trước nhưng so với cùng kỳ giảm 29,3% về lượng và 31,4% về giá trị so với cùng kỳ 2014. Ngành gỗ nội thất xuất khẩu tăng trưởng không đáng kể.

Mặc dù chịu ảnh hưởng bởi những biến động của sự phát triển kinh tế trong khu vực, song dưới sự chỉ đạo, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn và sự phối hợp, hỗ trợ của các phòng ban chức năng TCT, các cơ quan chức năng tại địa bàn đóng quân, sản xuất kinh doanh như: Cục Hải Quan Đồng Nai, Chi cục HQ Long Bình Tân, Sở Tài Nguyên Môi Trường, Sở KHĐT, Cơ quan Công An, CS PCCC...., Năm 2015 ICD đã phát triển vượt bậc về quy mô lẫn hệ thống cơ sở hạ tầng theo hướng bền vững, định hướng phát triển lâu dài một cách vững chắc, cụ thể:

Tổng diện tích kho đưa vào khai thác là 335.800 m² (không bao gồm diện tích thuê ngoài ICD, diện tích bãi kiểm hóa) với 22 kho lớn nhỏ khác nhau, tăng 53,300 m² tương đương 3 kho mới chiếm khoảng 199% so với tổng diện tích kho cùng kỳ năm 2014 (282.500m²).

Về tình hình khai thác kho và dịch vụ: Điểm mạnh của ICD chủ yếu là cho thuê và khai thác các dịch vụ gia tăng như xếp dỡ, vận tải và quản lý hàng hóa.

Năm 2015, tổng diện tích bình quân cho thuê kho và tự khai thác dịch vụ dự kiến đạt khoảng 101% so với tổng diện tích xây dựng hoàn chỉnh. Lượng khách

hàng tăng thêm khoảng hơn 30 khách hàng lớn, nhỏ khác nhau so với năm 2014 với hợp đồng ký kết ngắn và trung hạn khác nhau trong năm.

Về công tác chỉ đạo: Theo định hướng lãnh đạo của BTGĐ TCT, BGĐ và Ban thi đua khen thưởng của Công ty luôn đánh giá, động viên, khích lệ kịp thời, khuyến khích cán bộ nâng cao nghiệp vụ, tính chủ động nhằm đảm bảo khách hàng tin cậy, hài lòng, thu hút được nhiều khách hàng mới trong năm, đảm bảo khai thác tối đa diện tích xây dựng.

Bên cạnh các điểm thuận lợi nêu trên, ICD còn vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn chủ quan và khách quan như sau:

Về chủ quan: Sự cạnh tranh về dịch vụ và giá cho thuê kho ngày càng gay gắt, điều kiện về an toàn theo tiêu chuẩn Quốc tế còn chưa đáp ứng được, các đối tác nước ngoài đòi hỏi khá nghiêm ngặt, hầu hết các khâu chuẩn bị cho một kho chuẩn còn bị động khi phải chạy theo khách hàng mà chưa có bộ tiêu chuẩn hóa các quy định về an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế.

Về khách quan: Các quy định về tải trọng và cấm tải mới đã làm cho thị trường dịch vụ vận tải khan hiếm, sản lượng kém, đơn giá vận tải kém cạnh tranh, nhiều kho phân phối từ ICD về Nhà máy khu công nghiệp hay thành phố gặp khó khăn, sản lượng thông qua kho giảm mạnh gần 10%. Bên cạnh đó, thị trường kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đến lượng hàng nhôm và hàng cà phê giảm nhập vào kho hơn 30% so với cùng kỳ.

Các tiến bộ đạt được:

- ICD không ngừng thay đổi và cải tiến công tác Bán hàng – tiếp thị với nhiều kênh thông tin khác nhau như quảng cáo tại các khu công nghiệp, báo mạng online, trang web ICD và google, các kênh môi giới thương mại....

- Tiếp tục làm việc với các đối tác như Jabil, Nestle.....ký kết hợp đồng dài hạn, đặc biệt phát triển nguồn hàng cho khu 25 ha mở rộng.

- Tiếp tục mở rộng thêm các dịch vụ Giá trị gia tăng dựa trên dịch vụ lõi là kho hàng của ICD như: Dịch vụ vận chuyển vòng ngoài, dịch vụ đa phương thức, dịch vụ khai thuê HQ: nghiên cứu phát triển sản phẩm mới như sàng lọc hàng, dán tem, quản lý hàng theo mã vạch (barcode)...., từng bước trở thành nhà cung cấp dịch vụ 3PL có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực 3PL, từ chỗ là nhà cung ứng dịch vụ logistics cho các FDI trong ngành logistics chuyển sang là nhà cung cấp dịch vụ logistics cho các doanh nghiệp FDI trong ngành sản xuất trọn gói từ dịch vụ đầu vào cho đến dịch vụ đầu ra (phân phối sản phẩm); tham gia quản trị chuỗi cung ứng logistics với DHL

- Tiếp tục mở rộng các dịch vụ logistics tại khu vực Đồng Nai cho khách hàng Saitex, JBS, Nestle Việt Nam với hướng triển khai dịch vụ 3PL

- Bảo đảm công tác bảo mật, bảo vệ an ninh quốc phòng trong khu vực.
- Nâng cao chất lượng đời sống cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	2015	2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	139,199,778,086	139,860,037,900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	36,317,699,488	45,478,886,007
1. Tiền	23,317,699,488	45,478,886,007
2. Các khoản tương đương tiền	13,000,000,000	45,478,886,007
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	102,259,995,783	87,250,721,631
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	67,570,353,093	57,910,868,105
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	33,334,470,210	28,172,423,399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	1,409,502,480	1,221,760,127
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(54,330,000)	(54,330,000)
8. Tài sản thiêu chò xử lý	-	-
IV. Hàng tồn kho	-	-
1. Hàng tồn kho	-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	622,082,815	7,130,430,262
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	356,779,489	389,959,441
2. Thuế GTGT được khấu trừ	56,682,314	5,616,344,109
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	208,621,012	1,124,126,712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	748,581,878,612	646,688,978,258

Chỉ tiêu	2015	2014
I. Các khoản phải thu dài hạn	390,000,000	390,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	390,000,000	390,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II. Tài sản cố định	507,707,749,876	354,220,205,824
1. Tài sản cố định hữu hình	507,524,190,155	354,122,368,611
- Nguyên giá	640,627,993,431	451,000,539,523
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	(133,103,803,276)	(96,878,170,912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	183,559,721	97,837,213
- Nguyên giá	434,504,400	284,504,400
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	(250,944,679)	(186,667,187)
III. Bất động sản đầu tư	-	-
- Nguyên giá	-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	665,573,570	105,014,403,667
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	665,573,570	105,014,403,667
V. Đầu tư tài chính dài hạn	32,838,210,000	32,176,825,600
1. Đầu tư vào công ty con	20,400,000,000	20,400,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	7,200,000,000	7,200,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5,238,210,000	5,238,210,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	(661,384,400)

Chỉ tiêu	2015	2014
5. Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	206,980,345,166	154,887,543,167
1. Chi phí trả trước dài hạn	206,980,345,166	154,887,543,167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-
4. Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	887,781,656,698	786,549,016,158

b/ Tình hình nguồn vốn:

Chỉ tiêu	2015	2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	632,472,410,497	540,015,463,558
I. Nợ ngắn hạn	179,080,773,189	147,704,424,647
1. Phải trả người bán ngắn hạn	74,478,505,391	57,929,353,312
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8,076,697	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,046,320,070	316,752,299
4. Phải trả người lao động	10,755,954,785	12,091,256,596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	5,493,780,629	5,215,212,247
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	435,825,000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	12,766,443,035	7,756,559,410
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	69,912,707,200	61,214,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,183,160,382	3,181,290,783
13. Quỹ bình ổn giá	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-
II. Nợ dài hạn	453,391,637,308	392,311,038,911
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-

Chỉ tiêu	2015	2014
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	125,097,519,698	92,502,866,098
7. Phải trả dài hạn khác	157,386,374,350	121,480,281,390
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	170,907,743,260	178,327,891,423
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	255,309,246,201	246,533,552,600
I. Vốn chủ sở hữu	255,309,246,201	246,533,552,600
1. Vốn góp của chủ sở hữu	187,000,000,000	187,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	187,000,000,000	187,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	15,328,835,272	7,953,580,064
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	52,980,410,929	51,579,972,536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	9,898,295,598	51,579,972,536
- LNST chưa phân phối kỳ này	43,082,115,331	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-

Chỉ tiêu	2015	2014
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
1. Nguồn kinh phí	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	887,781,656,698	786,549,016,158

Phân tích các rủi ro:

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Số cuối năm	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng đã bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
	Đã quá hạn			
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.317.699.488			36.317.699.488
Phải thu khách hàng	67.516.023.093		54.330.000	67.570.353.093
Các khoản phải thu khác	503.406.447			503.406.447
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.238.210.000			5.238.210.000
Cộng	109.575.339.028		54.330.000	109.629.669.028

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp

Rủi ro thanh khoản: Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán	74.478.505.391			74.478.505.391
Vay và nợ	69.912.707.200	153.130.737.280	17.777.005.980	240.820.450.460
Các khoản phải trả khác	18.043.265.597	37.264.754.650	120.121.619.700	175.429.639.947
Cộng	162.434.478.188	190.395.491.930	137.898.625.680	490.728.595.798



Mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	18.299.984.600
Vay và nợ	(240.820.450.460)	(239.541.891.423)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(227.820.450.460)</u>	<u>(221.241.906.823)</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 3.553.999.027 VND (năm trước giảm/tăng 3.451.373.746 VND).

Rủi ro chứng khoán: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính là 5.253.912.200 VND (số đầu năm là 4.576.825.600 VND). Ban giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không phát sinh*

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

a. Đầu tư 05 xe nâng điện, tổng giá trị đầu tư khoảng 6 tỷ (1,2 tỷ/xe) từ nguồn vốn tự có và vốn vay ngân hàng (dự kiến vốn vay 70% giá trị đầu tư); đáp ứng cho khách hàng có các kệ cao 5 -7 tầng như: Amway, Brenntag, Axcess, Crane, Henkel, Saitex nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, cung cấp được các chuỗi dịch vụ trọn gói trong kho và chủ động trong nâng cao chất lượng dịch vụ.

c. Hợp tác với Công ty TNHH DV GNVT và TM Công Thành (theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, không thành lập pháp nhân) xây dựng kho cho khách hàng Nestle Việt Nam thuê tại khu đất 25 ha (dự án ICD mở rộng), mục đích: tạo thuận lợi tăng nguồn vốn của ICD, trả được tiền thuê CSHT cho Tổng công ty và tối đa hóa lợi nhuận do được làm dịch vụ xếp dỡ trong kho và một phần dịch vụ vận tải.

d. Chủ trương cho phép ICD Tân Cảng Long Bình cùng với một số đối tác tham gia đàm phán với Công ty CP Tiên Nga mua lại khoảng 60 – 70% tài sản kho hiện tại của Tiên Nga (trong đó có kho đã ký hợp đồng 10 năm (5+3+2) với khách hàng CP), thành lập Công ty Tiếp Vận Tân Cảng Tiếp Nga; mục đích: tháo gỡ các khó khăn về tài chính cho Công ty CP Tiếp Nga vì Công ty CP Tiên Nga không thể xin được Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình trên đất quốc phòng, đồng thời mở rộng hoạt động kinh doanh cho ICD và các đối tác thuộc Tổng công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): không phát sinh
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty thực hiện tốt và bảo đảm các chỉ tiêu môi trường theo quy định pháp luật môi trường

Công ty luôn tôn trọng các quy định, bảo vệ và kiểm soát môi trường do các cơ quan quản lý quy định trong hoạt động kinh doanh của mình và quyết tâm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung của cam kết bảo vệ môi trường, thực hiện các chương trình giám sát môi trường

Kết quả đo đạc chất lượng môi trường không khí và kết quả phân tích các thông số ô nhiễm trong nước thải cho thấy chất lượng môi trường tại ICD Tân Cảng Long Bình là khá tốt, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải.

Công ty luôn tiếp tục, duy trì công tác bảo vệ môi trường, thực hiện tốt công tác giám sát định kỳ chất lượng môi trường tại cảng, phân loại chất thải rắn từ nguồn, thu gom, vận chuyển và hạn chế tối đa các tác động trong hoạt động sản xuất đến môi trường, duy trì tốt thảm xanh trong khuôn viên ICD.

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Sự tồn vinh của một doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng tư duy quản lý khác biệt, linh hoạt, và tích cực của đội ngũ quản lý cấp cao và cấp trung cùng chất lượng ổn định của nguồn nhân lực. Sự trưởng thành của mỗi doanh nghiệp được tạo nên không chỉ bởi sự tác động đa chiều trên thương trường, mà còn là tổng hợp của sức mạnh từ các nguồn lực hiện có: nguồn lực tài nguyên cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, nguồn tài chính, kinh nghiệm, đặc biệt là nguồn nhân lực

Tuy vậy, sự tiến triển đều đặn của Công ty trong hành trình 5 năm hay 10 năm tất yếu sẽ đem đến hệ quả là sự thỏa hiệp hoặc tự bàng lòng với những thành quả hiện có, và không còn tạo được những biến chuyển mang giá trị đột phá, hay những khát khao quanh quẩn đưa Công ty lên một vị thế hoàn toàn mới. Công ty cần luôn thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý nhằm đảm bảo mối quan hệ hợp lý giữa số lượng - chất lượng, khâu quản lý tinh gọn, đạt được hiệu năng tối ưu; bổ nhiệm, bố trí cán bộ quản lý hợp lý về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm phù hợp với mục tiêu kinh doanh của Công ty trong từng giai đoạn, theo đó đặc biệt chú trọng vào con người - tài sản quý cho sự hưng thịnh, vững bền của Công ty, kỹ lưỡng nhằm sắp xếp, tổ chức lại hệ thống lao động, hệ thống sản xuất, hệ thống tài chính, hệ thống kinh doanh, hệ thống sản phẩm, v.v... của ICD Tân Cảng - Long Bình. Chính sự thay đổi trong chính sách người lao động từ chi tiết và toàn diện theo quy trình chuẩn, góp phần tạo cho ICD Long Bình có khả năng thực hiện chiến lược mới một cách hiệu quả, nâng cao vị thế của Công ty trên đa dạng và phong phú thị trường

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn thực hiện công tác dân vận, phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với địa phương, đặc biệt các chính sách bảo vệ môi trường, chăm lo đời sống người dân, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

Hội đồng quản trị năm 2015 có thay đổi:

- Ông Ngô Trọng Phàn
- Ông Phạm Văn Long
- Ông Phạm Duy Tân
- Bà Nguyễn Bích Hòa: thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Nguyễn Anh Sơn có đơn thôi tham gia thành viên Hội đồng quản trị công ty, lý do nhận nhiệm vụ công ty mới nên không bảo đảm chất lượng công tác khi tham gia thành viên Hội đồng quản trị công ty, trên cơ sở đó Hội đồng quản trị quyết định thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở đề cử của cổ đông Ngân hàng TMCP Quân đội, xét năng lực của cá nhân Ông Vũ Thành Trung, Hội đồng quản trị công ty đã thông qua bầu bổ sung Ông Vũ Thành Trung là thành viên Hội đồng quản trị.

Sau khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2015 và giao cho HĐQT tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, HĐQT đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện.

Trong năm qua, HĐQT thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra.

Với tình hình SXKD có nhiều nét đổi mới, hầu hết khách hàng đánh giá cao sự phát triển đột phá của toàn hệ thống TCT TCSG nói chung và ICD LONG BÌNH nói riêng. Các bộ phận sản xuất – kinh doanh đã phối hợp nhịp nhàng theo hệ thống, chất lượng dịch vụ tốt hơn, khách hàng tin cậy, phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy hệ thống kho mới phủ kín theo kế hoạch, kết quả sản xuất kinh doanh đạt so với kế hoạch đã đề ra cụ thể:

Tổng doanh thu: 254 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 54,89 tỷ đồng

Cổ tức năm 2015: 15%

Thu nhập của người lao động được cải thiện và nâng cao, thu nhập bình quân năm 2015 vào khoảng 13,64 triệu đồng/người/ tháng

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trong năm 2015, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp HĐQT, Ban Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với định hướng, chỉ đạo của HĐQT để kịp thời giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty khi các chính sách, văn bản luật liên quan có sự thay đổi làm ảnh hưởng đến hoạt động của ICD như: Luật Hải quan, Luật Thuế, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các chính sách hải quan, các quy định mới của pháp luật chứng khoán (đặc biệt là hoạt động công bố thông tin, thủ tục niêm yết, chào bán chứng khoán....), quy định của Luật Đất đai đối với quản lý, sử dụng đất quốc phòng, chính sách tải trọng theo Luật giao thông đường bộ và chế độ kế toán mới theo Thông tư 200/2014/TT – BTC tác động đến doanh thu – lợi nhuận do thay đổi cách hạch toán phần liên doanh liên kết với Sonadezi.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

Một số chính sách pháp luật mới trong năm 2016 tác động đến hoạt động công ty: Luật Doanh nghiệp, Luật BHXH, Quy chế quản trị nội bộ công ty đại chúng.

- Hoàn thiện quy chế quản trị nội bộ công ty theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung;
- Làm việc với Ban kiểm soát về tiêu chuẩn của thành viên BKS theo Điều lệ sửa đổi, bổ sung, phù hợp với Luật doanh nghiệp;
- Tiếp tục làm việc với các cơ quan hải quan về chức năng ICD theo Quyết định số 47/2014/QĐ – TTg của Thủ tướng chính phủ của về quy chế hoạt động của cảng cạn, từ đó tạo nên tính đột phá cũng như khai thác hiệu quả dịch vụ ICD như chiến lược đề ra;
- Hoàn thiện thủ tục đầu tư cho khu đất 25 ha và giai đoạn 2 Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình, tạo cơ sở pháp lý để hợp tác đầu tư và phát triển dịch vụ logistics cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng đất;
- Đẩy mạnh khai thác các dịch vụ giá trị gia tăng tại khu đất 80 ha (đã hoàn tất hạ tầng), nâng cao năng lực cạnh tranh khi thị trường kho bãi tại khu vực phía Nam đang trong giai đoạn bão hòa, cung vượt cầu;

- Phối hợp với Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn làm việc với các cơ quan chức năng tháo gỡ các vướng mắc khó khăn liên quan đến pháp lý của đất quốc phòng, tạo nên sự an tâm và tin tưởng của các khách hàng, đối tác làm việc, hợp tác với ICD lâu dài.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại 31/12/2015
Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	0.16%
Phạm Văn Long	Thành viên	0.40%
Vũ Thành Trung	Thành viên	0%
Phạm Duy Tân	Thành viên	0%
Nguyễn Bích Hòa	Thành viên	1.47%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không thành lập

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
01	Ông Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
02	Ông Phạm Văn Long	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	4/4	100%	
03	Ông Phạm Duy Tân	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
04	Bà Nguyễn Bích Hòa	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

05	Vũ Thành Trung	Thành viên HĐQT	1/4	50%	bầu bổ sung phiên họp 3
06	Nguyễn Anh Sơn	Thành viên HĐQT	3/4	50%	Miễn nhiệm Phiên họp 3

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ – HĐQT	31/3/2015	Thông qua kết quả kinh doanh 2014, kế hoạch 2015, thời điểm tổ chức ĐHCĐ
2	02/BC - HĐQT	25/6/2015	Báo cáo tình hình kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 và dự kiến kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015. Các vướng mắc trong quá trình triển khai trong hoạt động thủ tục hải quan “Cửa khẩu đối với hàng hóa xuất nhập khẩu” theo Quyết định 47/2014/QĐ – TTg về quy chế hoạt động của cảng cạn.
3	03/NQ – HĐQT	02/10/2015	Thông qua bổ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
4	04/BC - HĐQT	02/10/2015	Báo cáo về kết quả kinh doanh dự kiến cả năm 2015, kế hoạch kinh doanh 2016 Báo cáo về đề xuất sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty, đề xuất kiện toàn thành viên Ban kiểm soát Báo cáo về tình hình thực hiện đầu tư 2015 và kế hoạch đầu tư 2016

		Xem xét về tình hình tài chính của công ty trong năm 2015 và kế hoạch cho những năm tiếp theo (2016 – 2018)
--	--	---

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị, mà có sự phân công cho các thành viên HĐQT chuyên trách kiêm nhiệm các công tác như quản trị tài chính, công tác giám sát điều hành, quản trị tiền lương, công bố thông tin.... nhằm bảo đảm ICD luôn tuân thủ thực hiện theo đúng quy định pháp luật về quản trị, điều hành công ty.

Liên quan đến công tác quản lý cổ đông: Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á làm đơn vị quản lý cổ đông

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:./.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Bao gồm 3 thành viên

- Ông Nguyễn Đình Tú: Trưởng ban kiểm soát
- Bà Mai Thị Mộng Kiều: Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Quách Tiến Thịnh: Thành viên Ban kiểm soát

Tất cả các thành viên Ban kiểm soát: không nắm giữ cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình

b) Hoạt động của Ban kiểm soát.

Với các thành viên trong BKS là cán bộ ngoài Công ty, BKS đã tham gia đầy đủ vào các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc nhằm duy trì thường xuyên việc giám sát các hoạt động của Công ty.

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với HĐQT, Ban Giám đốc.

- Phối hợp với Phòng TCKT ICD về thanh tra chấp hành pháp luật thuế của cơ quan thuế.

- Giám sát công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của công ty.

- Tiến hành kiểm tra kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2015.

BKS nhận thấy các thành viên HĐQT và Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông đã giao phó.

Trong năm 2015, theo đề nghị của HĐQT, thành viên BKS đã cùng tham gia các cuộc họp HĐQT để giám sát và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc quyền hạn của BKS.

Ban kiểm soát lưu ý hoạt động của công ty:

- Các chính sách pháp luật mới: thường xuyên cập nhật, đặc biệt là hệ thống pháp luật thuế, kế toán, doanh nghiệp và đầu tư.

- Điều lệ sửa đổi, bổ sung liên quan đến trình tự, thủ tục, thẩm quyền và tỷ lệ thông qua các quyết định ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị.

- Kiên toàn bộ máy BKS theo Điều lệ sửa đổi bổ sung và Luật doanh nghiệp.

- Thực hiện đầu tư, chú ý đến dòng tiền cũng như hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng đòn bẩy tài chính hợp lý.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/:

Hội đồng quản trị:

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao	Ghi chú
1	Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch HĐQT	42.000.000	
2	Phạm Văn Long	Thành viên	36.000.000	
3	Phạm Duy Tân	Thành viên	36.000.000	
4	Nguyễn Bích Hòa	Thành viên	36.000.000	
5	Nguyễn Anh Sơn	Thành viên	27.000.000	9 tháng
6	Vũ Thành Trung	Thành viên	9.000.000	3 tháng
Tổng			186.000.000	

Ban kiểm soát:

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao năm 2015	Ghi chú
1	Nguyễn Đình Tú	Trưởng ban	30.000.000	

STT	Tên	Chức vụ	Mức thù lao năm 2015	Ghi chú
2	Mai Thị Mộng Kiều	Thành viên	12.000.000	
3	Quách Tiến Thịnh	Thành viên	12.000.000	
Tổng			54.000.000	

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh
 c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, các bên liên quan
 Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủỷ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng – Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn

Bên liên quan khác	Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn	
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng Tập đoàn	
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn	
<i>Chi phí mua vật tư, dịch vụ</i>	22.329.543.452	
	3.746.452.284	
<i>Phí thuê cơ sở hạ tầng</i>	55.724.625.000	
<i>Tiền thuế đất phải trả</i>	4.644.183.004	
	4.605.306.000	
<i>Phải trả cổ tức năm trước</i>	12.415.000.000	
	13.370.000.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
<i>Sử dụng dịch vụ trong năm</i>	519.022.895	
	847.892.606	
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
<i>Sử dụng dịch vụ trong năm</i>	24.463.636	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
<i>Sử dụng dịch vụ trong năm</i>	13.750.000	
	18.150.000	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
<i>Sử dụng dịch vụ trong năm</i>	2.865.498.332	
	4.188.941.782	
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép		

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Sử dụng dịch vụ trong năm	23.543.368
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái M López	31.893.819
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	71.396.362
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	
Sử dụng dịch vụ trong năm	619.774.000
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng – STC	408.724.500
Sử dụng dịch vụ trong năm	235.028.004
	42.650.000

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: bảo đảm thực hiện quy định quản trị công ty: Công ty lưu ý sửa đổi quy chế quản trị công ty trong năm 2016 để phù hợp với Luật doanh nghiệp 2014 và Luật chứng khoán

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị, trong năm 2016 bảo đảm tham gia có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C)

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kéo theo của Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình và công ty con (gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 04/03/2016, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, các kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP ICD Tân Cảng Long Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Vấn đề cần nhấn mạnh

Nhu đã trình bày tại thuyết minh số 1.6 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, một số số liệu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không so sánh được số liệu tương ứng của năm trước do áp dụng Thông tư số 200/2014/TT – BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149,571,625,498	145,903,527,180
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	41,399,926,087	46,510,043,030
1. Tiền	111		26,399,926,087	28,210,058,430
2. Các khoản tương đương tiền	112		15,000,000,000	18,299,984,600
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107,549,616,596	92,263,053,888
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	72,804,895,423	62,819,068,455
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	33,339,750,210	28,172,423,399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1,459,300,963	1,325,892,034
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(54,330,000)	(54,330,000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		622,082,815	7,130,430,262
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	356,779,489	389,959,441



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		56,682,314	5,616,344,109
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	208,621,012	1,124,126,712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		790,407,249,562	692,504,436,644
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		390,000,000	390,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	390,000,000	390,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		569,734,983,047	420,278,230,115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	569,551,423,326	420,180,392,902
- Nguyên giá	222		717,448,046,035	527,820,592,127
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(147,896,622,709)	(107,640,199,225)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	183,559,721	97,837,213
- Nguyên giá	228		434,504,400	284,504,400
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(250,944,679)	(186,667,187)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		665,573,570	105,014,403,667
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	665,573,570	105,014,403,667
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12,636,347,779	11,930,071,180
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	7,398,137,779	7,353,245,580
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	5,238,210,000	5,238,210,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(661,384,400)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		206,980,345,166	154,891,731,682
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	206,980,345,166	154,891,731,682
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		939,978,875,060	838,407,963,824
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		654,507,615,049	566,455,664,879
I. Nợ ngắn hạn	310		187,252,236,348	155,816,952,171
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	74,971,889,760	58,250,436,169
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	13,576,697	5,500,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3,913,631,102	1,635,267,524
4. Phải trả người lao động	314		11,467,378,258	12,355,771,138
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	5,493,780,629	5,299,116,250
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	435,825,000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	12,813,117,739	8,384,760,726
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	75,312,707,200	66,214,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2,830,329,963	3,672,100,364
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		467,255,378,701	410,638,712,708
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	84,361,261,091	50,830,539,895
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	157,386,374,350	121,480,281,390
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	225,507,743,260	238,327,891,423
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		285,471,260,011	271,952,298,945

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Vốn chủ sở hữu	410		285,471,260,011	271,952,298,945
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	187,000,000,000	187,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187,000,000,000	187,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19	15,926,825,822	8,297,804,814
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	57,866,134,934	54,278,398,756
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		12,037,170,218	54,278,398,756
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		45,828,964,716	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.20	24,678,299,255	22,376,095,375
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		939,978,875,060	838,407,963,824

BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	278,999,769,908	277,262,261,051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		278,999,769,908	277,262,261,051
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	163,278,979,939	156,790,523,606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		115,720,789,969	120,471,737,445
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,866,735,273	1,432,565,377
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	26,275,637,402	26,400,380,549
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25,678,766,478	26,508,911,005
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		44,892,199	153,245,580
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	990,533,582	700,935,961
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	26,913,314,333	26,411,330,486
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		63,452,932,124	68,544,901,406
12. Thu nhập khác	31	VI.7	1,082,518,886	438,011,962
13. Chi phí khác	32	VI.8	320,452,323	509,148,334
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		762,066,563	(71,136,372)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		64,214,998,687	68,473,765,034
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.13	14,222,035,891	15,706,324,210
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		49,992,962,796	52,767,440,824
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		45,828,964,716	50,329,285,499
20. Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	62		4,163,998,080	2,438,155,325
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2,398	2,227

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		2,398	2,227

BẢNG LUU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		64,214,998,687	68,473,765,034
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	2		41,047,899,894	29,058,167,269
- Các khoản dự phòng	3		(661,384,400)	(268,985,600)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		701,032,567	39,431,289
- Chi phí lãi vay	6		(1,719,693,946)	(1,432,448,319)
- Các khoản điều chỉnh khác	7		25,678,766,478	26,508,911,005
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		129,261,619,280	122,378,840,678
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(3,502,721,840)	(25,168,638,778)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54,615,439,517	79,996,001,051
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(52,055,433,532)	(14,663,444,881)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(27,341,758,339)	(27,770,845,700)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11,629,334,718)	(21,605,726,000)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		39,341,000,000	16,297,338,050
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(9,511,145,223)	(3,323,806,213)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>119,177,665,145</i>	<i>126,139,718,207</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(120,494,036,549)	(185,352,444,749)
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		27,300,000,000	-
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7,200,000,000)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	300,000,000
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		919,485,820	1,154,234,610
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(92,274,550,729)</i>	<i>(191,098,210,139)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		73,370,589,037	176,015,351,363
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(77,092,030,000)	(106,992,445,200)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(28,596,789,206)	(24,271,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(32,318,230,169)	44,751,906,163
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ($50 = 20+30+40$)	50		(5,415,115,753)	(20,206,585,769)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	46,510,043,030	66,608,334,575
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		304,998,810	108,294,224
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ($70 = 50+60+61$)	70	V.1	41,399,926,087	46,510,043,030

(*) Thuyết minh báo cáo tài chính kiểm toán (đính kèm theo báo cáo tài chính hợp nhất)

Toàn văn báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất được đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty: www.icdlongbinh.com (mục quan hệ cổ đông)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY/



GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Long

